

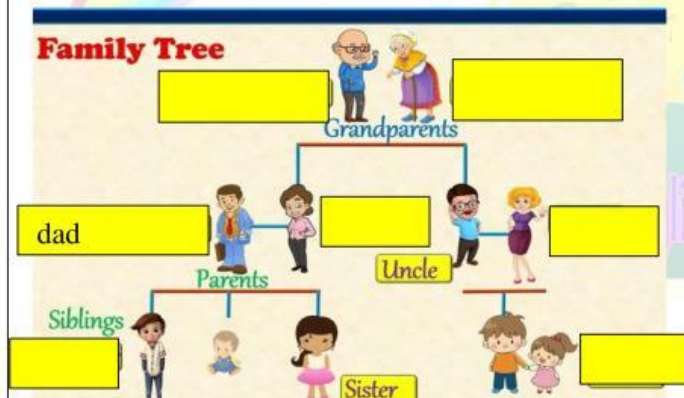
GRADE 4-REVISION – SEMESTER 1

VOCABULARY:

Numbers

1 ONE	2	3	4	5
6	7	8	9	10
11	12	13	14	15
16	17	18	19	20

- Family members



- Days of the week (ngày trong tuần)

Monday – – –

– – Sunday.

--------------------------	--------------------------	--------------------------	--------------------------

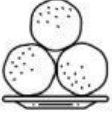
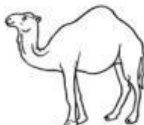
MS.YEN – ENGLISH

🏠 135B/3 Le Quang Dinh, Thang Nhat Ward, Vung Tau city.
 ☎ 0909.155.437 – 🗣 Ms.Yen – English/ Nguyen Ngo Yen Tuyet.

: làm việc : ở đâu

*Food (eat.../ have...)       		Subjects: (môn học)       English Vietnamese Places at school: (chỗ)  	
--	--	--	--

  *Drinks (drink.../ have...)    	   Write in a 
          S+ is/ am/ are + safe (an toàn) the beach/ a beach (ngoài bãi biển) the sand (trên cát) At home (ở nhà) At school (ở trường)	Zoo animals          a hat  hold an  eat a  take a  to the tour guide

MS.YEN – ENGLISH

🏠 135B/3 Le Quang Dinh, Thang Nhat Ward, Vung Tau city.
 ☎ 0909.155.437 – 📞 Ms.Yen – English/ Nguyen Ngo Yen Tuyet.

MS. YEN – ENGLISH 0909155437

MS.YEN – ENGLISH

 135B/3 Le Quang Dinh, Thang Nhat Ward, Vung Tau city.

 0909.155.437 –  Ms.Yen – English/ Nguyen Ngo Yen Tuyet.